

Bản án số: 04/2022/DS-ST

Ngày: 17-01-2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020, về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị D, sinh năm 1971 “vắng mặt”.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1972 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị D trình bày: Vào ngày 15/01/2013 âm lịch, chị có làm chủ hội dây hội 2.000.000đồng, gồm có 22 phần, chị Nguyễn Thị C (Hùng) tham gia một phần, chị C mở hội lần thứ nhất 720.000đồng được số tiền 26.500.000đồng. Sau khi lãnh hội thì chị C không góp hội chết lại cho chị. Chị phải góp thay tổng cộng 21 lần bằng 42.000.000đồng. Hội đã kết thúc vào năm 2014. Nay chị yêu cầu chị C trả 42.000.000đồng.

Tại đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 27/9/2021 chị Ngô Thị D thay đổi yêu cầu khởi kiện là chị không yêu cầu chị C trả nợ hụi số tiền 42.000.000đồng mở ngày 15/01/2013 âm lịch. Lý do chị C không thừa nhận nợ hụi mà chỉ thừa nhận nợ có vay chị 20.000.000đồng nên chị yêu cầu chị C trả số tiền vay. Cụ thể vào ngày 05/01/2015 âm lịch chị C có vay của chị số tiền 20.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng nhưng sau khi vay không trả nên chị C yêu cầu cho chị vào tham gia hụi. Nay chị yêu cầu chị C trả số tiền vay 20.000.000đồng và lãi, với lãi suất 1%/tháng tính lãi từ ngày vay 15/01/2015 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 18/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị xác định chị có vay của chị D số tiền 20.000.000đồng, mỗi tháng trả lãi 3.000.000đồng nên chị D có nói với chị là chị tham gia nhiều dây hụi 1.000.000đồng do chị D làm chủ hụi nhưng không rõ mấy dây hụi, chị không có nhớ rõ thời gian nào do quá lâu. Chị hốt hụi nhưng không có nhận tiền hốt hụi mà chị D nhận tiền hụi để khấu trừ vào tiền vay. Sau khi hốt hụi chị có góp lại hụi chết cho chị D đầy đủ. Các lần góp hụi cho chị D, chị D không có làm giấy tờ gì. Đối với dây hụi mà chị D khởi kiện thì chị không có tham gia.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị D có đơn xin vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị C vắng mặt không lý do.

Đại D Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Ngô Thị D.

Buộc chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả chị Ngô Thị D vốn, lãi là 36.56.000đồng.

Án phí buộc bà chị Nguyễn Thị C nộp 1.828.000đồng.

Các chứng cứ mà các bên giao nộp đã tiếp cận, công khai chứng cứ. Các bên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Ngô Thị D khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị C, địa chỉ cư trú ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Vĩnh Long trả số tiền vốn vay 20.000.000đồng. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Ngô Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn chị Nguyễn Thị C vắng mặt nhưng được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần mà vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn chị Ngô Thị D cho rằng vào ngày 05/01/2015 âm lịch (nhằm ngày 23/02/2015 dương lịch) chị có cho chị Nguyễn Thị C vay số tiền 20.000.000đồng. Để có tiền trả nợ vay nên chị C yêu cầu cho chị C tham gia hội viên đây hội 2.000.000đồng vào ngày 15/01/2013 âm lịch do chị làm chủ hội. Sau khi chị C lãnh hội, không góp lại, chị phải góp thay 42.000.000đồng. Do chị C không thừa nhận tham gia hội 2.000.000đồng mà chỉ thừa nhận vay 20.000.000đồng nên chị D chỉ yêu cầu chị C trả 20.000.000đồng và lãi suất từ ngày vay 23/5/2015. Xét lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ. Bởi chị C thừa nhận có vay của chị D 20.000.000đồng. Chị C cho rằng số tiền vay 20.000.000đồng của chị D đã trả xong nhưng không có chứng cứ nào để chứng minh nên số tiền vay chị vẫn còn nợ nên phải có nghĩa vụ trả.

Xét yêu cầu của chị D cho rằng số tiền vay chậm trả nên chị yêu cầu chị C phải trả lãi 1% trên nợ vay từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là không cao so với Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định nên chấp nhận.

Cụ thể $20.000.000\text{đồng} \times 1\% \times 82 \text{ tháng} = 16.565.000\text{đồng}$.
 Tổng cộng vốn lãi $20.000.000\text{đồng} + 16.565.000\text{đồng} = 36.565.000\text{đồng}$.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn chị Ngô Thị D được chấp nhận nên bị đơn chị Nguyễn Thị C nộp toàn bộ là 5% trên số tiền bị buộc trả bằng 1.828.250đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 473, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Ngô Thị D.

Buộc chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả chị Ngô Thị D số tiền vốn, lãi là 36.565.000đồng (ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu chị Nguyễn Thị C chưa trả xong số tiền trên cho chị Ngô Thị D thì phải trả thêm lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị C nộp 1.828.250đồng (một triệu tám trăm hai mươi tám ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 1.050.000đ (một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) cho chị Ngô Thị D theo lai thu số 0016424 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện T;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

- Chi cục Thi hành án huyện F;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Hoàng Phong